

Số: 18/2021/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 19 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật
viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được chỉnh sửa, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Nghị định 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và các quy định hiện hành; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng và Bộ Công thương về Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BXD-BTTTT ngày 22/6/2016 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương; Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 194/TTr-STTTT ngày 12/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT(báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng XD và KTVB QPPL, Sở Tư pháp;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Nam;
- Trung tâm CTTT&TT Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KGVX.

G:\Droptbox\CÔNG-2021\QĐ\12.8-QĐ thay thế QĐ 26.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật

viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định này quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng: quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm: nhà, trạm viễn thông; điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; cột ăng ten; cột treo cáp viễn thông; hạ tầng kỹ thuật ngầm.

2. Cáp viễn thông: là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (*cáp truyền hình*) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Cột treo cáp: là cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp viễn thông. Cột treo cáp có thể là cột treo cáp viễn thông riêng biệt hoặc cột của các ngành khác như điện lực...

4. Cột ăng ten: là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện (*không bao gồm ăng ten máy thu thanh, thu hình của các hộ gia đình*).

5. Các loại cột ăng ten: Loại A1a, A1b, A2a, A2b, A2c được quy định theo Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. QCVN 33:2019/BTTTT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP: Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và các quy định hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh; đảm bảo phục vụ an ninh quốc phòng, mỹ quan đô thị, chất lượng, an toàn cho người dân và các công trình lân cận.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

3. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc phối hợp xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tham gia công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung.

Điều 4. Quy định về phát triển mới cột ăng ten

1. Phát triển mới cột ăng ten đảm bảo khoảng cách theo đúng quy định, cụ thể như sau:

| STT | Loại cột ăng ten | Đô thị | Ngoài đô thị |
|-----|------------------|--------|--------------|
| 1 | A2a \leq 15m | 150 | 200 |
| 2 | A2a $>$ 15m | 200 | 300 |
| 3 | A2b \leq 20m * | 200 | 300 |
| 4 | A2b $>$ 20m | 300 | 500 |

(*): Cột ăng ten loại A2b \leq 20m: là loại cột ăng ten tự đứng, kết cấu thân cột là các đoạn dạng ống tròn (*ống thép đa giác hoặc đoạn bê tông, ...*) ghép lồng nhau, dễ dàng lắp ghép, chiếm diện tích đất nhỏ ($4-6m^2$) và có tính thẩm mỹ cao.

Ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt như: cột ăng ten phục vụ an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn... Sở Thông tin và Truyền thông xem xét cụ thể từng trường hợp để thống nhất chủ trương.

2. Cột ăng ten phải đảm bảo an toàn về chịu đựng cấp gió tối thiểu theo quy định tại Bảng 4.1, Phân vùng áp lực gió theo địa danh hành chính, QCVN 02:2009/BXD về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

3. Hệ thống ăngten lắp đặt trên cột ăng ten phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 41:2016/BTTTT “Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM”, QCVN 32:2020/BTTTT “Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông”, QCVN 9:2016/BTTTT “Tiếp đất cho các trạm viễn thông”; QCVN 08:2010/BTTTT “Phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” và các quy định có liên quan.

Điều 5. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều này. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm sao gửi 01 bản Giấy phép xây dựng cho Sở Xây dựng (*nếu Giấy phép xây dựng không do Sở Xây dựng cấp*), 01 bản cho Sở Thông tin và Truyền thông, 01 bản cho UBND cấp huyện và 01 bản cho UBND cấp xã.

2. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn Giấy phép xây dựng gồm:

a) Công trình cột ăng ten thuộc hệ thống cột ăng ten nằm ngoài đô thị phù hợp với quy hoạch, kế hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về hướng tuyến.

b) Công trình cột ăng ten không công kênh tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch, kế hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 89, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và các quy định có liên quan.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn Giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều này phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công xây dựng (*theo mẫu Phụ lục 1, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BXD-BTTTT ngày 22/6/2016*) cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công.

4. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động gửi văn bản đăng ký địa điểm, hướng tuyến đầu tư cho Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra địa điểm, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, có văn bản trả lời thống nhất chủ trương cho các tổ chức, cá nhân về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và yêu cầu về giải pháp kỹ thuật đối với địa điểm, hướng tuyến dự kiến lắp đặt.

b) Thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (*đối với công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng*): thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng và các văn bản có liên quan. Trường hợp cột ăng ten phải cấp phép xây dựng nằm trong khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyên đổi được mục đích sử dụng đất thì UBND cấp huyện căn cứ biên bản kiểm tra vị trí của Sở Thông tin và Truyền thông, các phòng chức năng huyện và các hồ sơ liên quan (*nếu có*) để có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng cho doanh nghiệp.

5. Thẩm quyền cấp phép

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cột ăng ten loại: A2b, A2c trên địa bàn tỉnh (*ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này*).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép xây dựng các cột ăng ten loại A2a trên địa bàn quản lý (*ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này*).

c) Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh thực hiện cấp phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền (*ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này*);

d) Các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác (*điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, cột treo cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật ngầm*): thẩm quyền cấp phép theo quy định chung của Ủy ban nhân dân tỉnh về cấp phép xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Các vi phạm về không thực hiện thông báo ngày khởi công xây dựng; không gửi đúng thời hạn bản sao Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (*đối với công trình phải có giấy phép*) đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định bị xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 1, Điều 40 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP.

Chương II

SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 6. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tuân thủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với công trình đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các địa phương, Sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá thuê, lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính trước khi trình UBND tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Sử dụng chung cột treo cáp

1. Tại các khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp viễn thông trong các công trình hạ tầng kỹ thuật đi ngầm, chưa thể hạ ngầm, nếu hệ thống cột treo cáp còn khả năng treo thêm cáp viễn thông thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung để treo cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm mỹ quan đô thị, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định hiện hành.

2. Không được tự ý treo cáp viễn thông lên cột treo cáp khi đơn vị sở hữu cột chưa cho phép.

3. Các đơn vị sử dụng chung cột để treo cáp viễn thông và đơn vị sở hữu cột phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ số điện thoại liên lạc cần thiết. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, trong thời gian sớm nhất các bên phải phối hợp khắc phục.

4. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị sở hữu cột là đầu mối thông báo cho các đơn vị sử dụng chung cột để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột.

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di dời, thu hồi cột treo cáp để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của nhà nước, đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột, phối hợp thực hiện di dời đồng bộ, chấp hành theo tiến độ của cơ quan có thẩm quyền.

c) Trường hợp trên cột phải tháo dỡ, di dời còn có hệ thống cáp viễn thông trên cột nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu trốn tránh trách nhiệm thì đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời thông báo cho UBND cấp huyện để phối hợp giải quyết. Sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các đơn vị sở hữu cáp không có sự phối hợp hoặc hệ thống cáp trên cột vẫn chưa được tháo dỡ, di dời thì đơn vị sở hữu cột chủ trì tiến hành tháo gỡ, di dời hệ thống; đồng thời thông báo cho UBND cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan phối hợp giám sát việc tháo gỡ hệ thống cáp viễn thông. Khi đó, đơn vị sở hữu cột không phải chịu trách nhiệm về việc hư hỏng vật tư, thiết bị, mất tín hiệu liên lạc của các đơn vị sử dụng chung cột không hợp tác.

Điều 8. Sử dụng chung cột ăng ten

1. Đối với các khu vực có cột ăng ten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và đủ năng lực cho việc sử dụng chung thì chủ sở hữu cột ăng ten phải có trách nhiệm chia sẻ hạ tầng với tổ chức, cá nhân khác sử dụng chung trên cơ sở thỏa thuận, hợp tác, thống nhất về hợp đồng kinh tế để bảo đảm dùng chung hạ tầng, mỹ quan đô thị. Trường hợp, các đơn vị không thống nhất việc dùng chung, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trên cơ sở tạo điều kiện thúc đẩy việc chia sẻ sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăng ten công kênh, chủ đầu tư phải tính toán thiết kế đảm bảo cột ăng ten đủ năng lực (*chiều cao, kết cấu*) để lắp đặt tối thiểu thiết bị của 02 doanh nghiệp trên cột và đảm bảo an toàn về chịu đựng cấp gió tối thiểu theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

1. Đối với các khu vực có công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê sử dụng chung để đảm bảo dùng chung hạ tầng.

2. Đối với các khu vực có công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hiện hữu nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung, khi nhận được đề nghị sử dụng chung, các bên phối hợp cùng cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đảm bảo phù hợp các quy định kỹ thuật áp dụng cho công trình, sau đó phân chia dung lượng sử dụng theo tỷ lệ đầu tư hoặc theo thỏa thuận.

3. Những khu vực theo quy hoạch được xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để ngầm hóa cáp viễn thông, ưu tiên các thành phần kinh tế tham gia đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm cho thuê để ngầm hóa cáp viễn thông sử dụng ít nhất trong 10 năm.

4. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn cho mạng lưới.

Chương III

CHỈNH TRANG, NGẦM HÓA MẠNG CẤP NGOẠI VI VIỄN THÔNG

Điều 10. Chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông

1. Hằng năm UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, Ban ngành liên quan, Điện lực Quảng Nam, các doanh nghiệp viễn thông ban hành kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Quảng Nam, doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông địa phương theo kế hoạch ban hành.

3. Việc chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông phải bảo đảm tối đa việc sử dụng chung, phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan, an toàn và cảnh quan môi trường đô thị, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho mạng viễn thông.

4. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông theo kế hoạch của địa phương, phối hợp và tham gia đóng góp kinh phí để thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng cấp ngoại vi viễn thông của đơn vị mình (*nếu có*).

Điều 11. Nội dung thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông

Nội dung thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông tuân thủ theo quy định tại Điều 2.8.1, Khoản 2.8, QCVN 33:2019/BTTTT:

1. Loại bỏ và thu hồi cáp hỏng, cáp không sử dụng, cáp thuê bao vượt qua đường và mằng sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu đã hư hoặc không còn sử dụng.

2. Kéo căng, buộc gọn hệ thống dây cáp viễn thông, đưa vào gông gom (*nếu có*).

3. Sắp xếp cáp dự phòng, mằng sông, tủ/hộp cáp treo trên cột theo đúng quy định.

4. Duy tu, bảo dưỡng, gia cố, thay thế cột không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

5. Các đơn vị chủ quản cột, các đơn vị sử dụng cột có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp treo viễn thông tối đa 06 tháng một lần hoặc theo kế hoạch của UBND cấp huyện.

6. Đối với những tuyến cột trong khu vực đô thị có ít nhất 02 tuyến cáp được lắp đặt trước khi các quy định trong quy chuẩn này và quy định khác có liên quan được ban hành, đơn vị sở hữu cáp hoặc đơn vị sở hữu cột phải trang bị dây treo cáp, khuyến dỡ bỏ cáp chủ động xây dựng kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang theo Quy chuẩn này, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Văn hóa thông tin cấp huyện.

Điều 12. Xử lý cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông khi bị sự cố

1. Khi cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông và các

thiết bị phụ trợ bị sự cố thì chủ sở hữu phải bố trí lực lượng có mặt kịp thời để xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin được thông suốt; đồng thời báo cho UBND cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông biết để phối hợp xử lý (nếu cần). Sau thời gian 24 giờ kể từ lúc nhận thông báo của cơ quan quản lý hoặc của tổ chức, cá nhân, đơn vị sở hữu không sửa chữa, khắc phục sự cố thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khi cột treo cáp viễn thông bị gãy/nghiêng thì các đơn vị có cáp đi treo trên cột đó phải có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cột để xử lý tùy thuộc vào thỏa thuận ban đầu giữa các bên. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị sở hữu cột phải thực hiện khắc phục xong sự cố.

Điều 13. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông

1. Doanh nghiệp không phối hợp để thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông theo kế hoạch, UBND cấp huyện chủ trì, lập biên bản và xử lý vi phạm theo đúng quy định tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 3/2/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và các quy định hiện hành.

2. Cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, cột treo cáp, cột ăng ten bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai chỉnh trang, ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập biên bản, xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản vô chủ, đồng thời thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Dấu hiệu nhận biết cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật phải được gắn thẻ sở hữu cáp. Các thiết bị phụ trợ gồm: tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bẻ cáp và cột treo cáp phải được ghi thông tin quản lý. Cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo độ cao.

2. Nội dung thông tin, quy cách thẻ cáp, biển báo độ cao được quy định theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương về Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về quy cách thẻ cáp, biển báo độ cao, dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì kiểm tra, hướng dẫn các quy định về dấu hiệu nhận biết cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu lồng ghép, đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào Quy hoạch chung của tỉnh. Hằng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan ban hành Kế hoạch chi tiết phát triển hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch chi tiết phát triển trạm BTS, Kế hoạch dùng chung hạ tầng viễn thông thụ động...*)

2. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của Luật Viễn thông và các quy định hiện hành. Chủ trì thực hiện kiểm tra, xác định vị trí, hướng truyền công trình, thống nhất chủ trương cho các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, lợi ích kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thông cơ sở tuyên truyền, phổ biến các thông tin về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; kịp thời giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng viễn thông, việc thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện số hóa dữ liệu, bản đồ để cập nhật quản lý cơ sở dữ liệu về hiện trạng, quy hoạch và các dữ liệu khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật đảm bảo an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật về an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

7. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh ban hành các nội dung hợp tác trong công tác quản lý hạ tầng viễn thông thụ động, tổ chức triển khai thực hiện.

8. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy định này; định kỳ hằng năm tổng kết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy định này các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện lồng ghép nội dung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào các quy hoạch xây dựng, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Cung cấp thông tin liên quan về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết; quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp, đảm bảo tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng, độ an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc thẩm quyền theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không còn phù hợp về quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 17. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện lồng ghép nội dung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào các công trình giao thông khi triển khai.

2. Cung cấp thông tin về dự án, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan biết để chủ động phối hợp di dời cũng như đầu tư, mở rộng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm tiết kiệm chi phí, tránh thiệt hại và mất liên lạc do sự cố trong quá trình thi công.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình thi công công trình trong phạm vi đất của đường bộ, đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông.

4. Xem xét, chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nằm trong hành lang an toàn đường bộ và đường thủy nội địa theo quy định.

Điều 18. Sở Công thương

1. Chỉ đạo Công ty Điện lực Quảng Nam phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hệ thống cột treo cáp đảm bảo mỹ quan, chất lượng và an toàn cho người dân; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Quảng Nam, các chủ sở hữu cột điện khác việc thỏa thuận phương án sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý với giá thuê trên cơ sở giá thành, hợp tác cùng phát triển vì lợi ích chung để treo cáp viễn thông tại các khu vực đô thị chưa có điều kiện ngầm hóa và khu vực nông thôn, miền núi.

Điều 19. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định hiện hành.

Điều 20. Công an tỉnh

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan ban hành Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp trên địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với Sở, Ban ngành và các đơn vị có liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện về thủ tục đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

3. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

4. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo chức năng, phân cấp quản lý.

5. Thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng, khu đô thị, tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý cho Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

6. Tổ chức triển khai kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý kịp thời các khiếu nại của người dân, các trường hợp cản trở trái pháp luật, gây rối, phá hoại việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định tại khoản 6, Điều 42 Nghị định 25/2011/NĐ-CP và các quy định liên quan.

Điều 22. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh

1. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định chuyên ngành viễn thông đối với việc đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý.

3. Cấp phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Các doanh nghiệp viễn thông

1. Hằng năm, triển khai thực hiện xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp theo Kế hoạch của Sở Thông tin và Truyền thông, phù hợp với Quy hoạch của tỉnh và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp nhận thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, tuyến đường giao thông, khu chế xuất, tòa nhà có nhiều chủ sử dụng và các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác để tiến hành đồng thời kế hoạch xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Báo cáo kịp thời và chính xác các thông tin về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm tiếp tục phổ cập dịch vụ viễn thông, internet.

5. Tăng cường công tác quản lý các dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm định công trình, quy hoạch, đầu tư và xây dựng cơ bản.

6. Tổ chức thực hiện kế hoạch chính trang ngầm, hóa mạng cáp viễn thông theo Kế hoạch, chỉ đạo của UBND cấp huyện.

7. Nghiên cứu, phát triển công nghệ nhằm nâng cao độ an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; xây dựng kế hoạch dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống khẩn cấp, sự cố về an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 24. Công ty Điện lực Quảng Nam

1. Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác sắp xếp, chỉnh trang, thu hồi cáp viễn thông trên cột điện lực.

2. Báo cáo kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông trên cột điện, thông tin giá thuê cột điện lực để treo cáp viễn thông về Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ xây dựng kế hoạch chỉnh trang mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh (trước ngày 15/01 hằng năm).

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy định này. Định kỳ, hằng năm tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết để thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh những tồn tại, bất cập về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.